|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4  **TRƯỜNG TIỂU HỌC**  **ĐINH BỘ LĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Quận 4, ngày 02 tháng 10 năm 2023* |

**CÔNG KHAI**

**THỰC HIỆN THU VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn TP.HCM năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (CV 4687/SGDĐT-KHTC);

Căn cứ Công văn số 746/GDĐT-TV ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 về Hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Quận 4;

Căn cứ Công văn số 2137/UBND-KT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dận Quận 4 về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Quận 4;

Căn cứ biên bản họp lấy ý kiến CB-GV-NV, ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và toàn thể cha mẹ học sinh nhà trường trong buổi họp cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học về dự thảo Kế hoạch thực hiện thu và sử dụng các khoản thu của nhà trường trong năm học 2023 - 2024,

Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh công khai thực hiện thu và sử dụng các khoản thu năm học 2023 - 2024 như sau:

**I. VỀ THU:**

**1. Học phí và tiền cơ sở vật chất:**

- Trường tiểu học ***không thu tiền học phí*** và ***tiền cơ sở vật chất.***

**2. Các khoản thu trong năm học:** (Đơn vị tính: *đồng/học sinh*)

- Các mức thu được quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND là mức thu tối đa. Căn cứ tình hình thực tế sĩ số bình quân toàn trường, điều kiện cơ sở vật chất, việc tự chi trả lương cho đội ngũ bảo vệ, phục vụ hợp đồng ngoài, nhu cầu của học sinh và dự toán thu chi, nhà trường tổ chức lấy ý kiến với cha mẹ học sinh đề xuất các mức thu cụ thể theo các khoản sau nhưng ***không vượt quá mức thu quy định*** tại Nghị quyết này và **không được cao hơn 15% *so với mức thu đã thực hiện trong năm học 2022 - 2023*** cụ thể:

- Đối với khoản thu ***“Bảo hiểm tai nạn”*:** nhà trường thực hiện thu theo mức đăng ký tự nguyện của phụ huynh học sinh là: **30.000 đồng/hs/năm.**

- Đối với khoản thu ***“Bảo hiểm y tế”*** (bắt buộc): nhà trường thực hiện theo Hướng dẫn Liên tịch số 4103/HDLS/BHXH-GDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà nước hỗ trợ 30%, phu huynh chỉ đóng **70%** với số tiền là: **680.400 đồng/hs/năm** (giá trị sử dụng trong 12 tháng, từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

- Đối với các khoản thu theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh dành cho cấp tiểu học được ban hành kèm theo Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC

thực hiện theo Nghị quyết 04, gồm các mục sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức**  **cho phép của TP** | **Mức của trường năm học 22-23** | **Mức**  **thu của trường**  **năm nay** | **Ghi chú**  *(Áp dụng thực hiện)* |
| **I** | **Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa** | | | | |
| **1** | Tiền tổ chức  2 buổi/ngày. | 150,000 | 120.000 | **120,000**  *(tháng)* | **● Khối 5.** |
| **2** | Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ *(môn tiếng Anh).* | 100,000 | 90.000 | **100,000**  (2 tiết),  **50,000**  (1 tiết) | **● Khối 1, 2:** Học tiếng Anh tự chọn 2 tiết/tuần theo CTGDPT 2018.  **● Khối 3, 4:** Ngoài 04 tiết/tuần học bắt buộc của CTGDPT 2018 (không thu tiền), HS học tăng cường ở ***khối 3 thêm 2 tiết/tuần*** và ở ***khối 4 thêm 1 tiết/tuần*** với các tài liệu, học liệu khác.  **● Khối 5:** Học từ 2 tiết/tuần theo CTGDPT 2006 như các năm học trước. |
| **3** | Tiền tổ chức dạy Tin học | | | | |
| *3.1* | *Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn.* | 50,000 | 40.000 | **45,000**  (2 tiết),  **30,000**  (1 tiết) | **● Lớp 1/3, 1/4, 2/3, 5/4, 5/5:** Học 2 tiết/tuần.  **● Lớp 1/1, 1/2, 2/1, 2/2, 5/1, 5/2, 5/3:** Học 1 tiết/tuần.  *Số tiền thu để* ***thuê máy vi tính*** *và* ***chi trả lương*** *cho GV giảng dạy,…* |
| *3.2* | *Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học.* | 70,000 | 0 | **60,000**  *(tháng)*  (Số HS trung bình của  K3 và K4 là 29 em/lớp) | **● Khối 3, 4:** Ngoài 1 tiết học bắt buộc theo CTGDPT 2018 (không thu tiền), HS học tăng cường thêm 1 tiết/tuần với tài liệu Chuẩn tin học Quốc tế.  *Số tiền thu để* ***thuê máy vi tính*** *và* ***chi trả lương*** *cho GV giảng dạy,…* |
| **4** | Tiền tổ chức hoạt động GD kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa. | | | | |
| *4.1* | *Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ* | 120.000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| *4.2* | *Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống.* | 120,000 | 80.000 | **80,000**  *(tháng)* | **● Toàn trường.** |
| *4.3* | *Tiền tổ chức Giáo dục Stem.* | 90,000 | 90.000 | **90,000**  *(tháng)* | **● Toàn trường** (trừ lớp 4/1 và 4/2 không học). |
| *4.4* | *Tiền tổ chức Học bơi.* | 250,000 | 0 | **160,000**  *(tháng)* | **● Khối 3: chỉ thu tiền học bơi 2 tháng/năm** (Khoản thu để tổ chức hoạt động: *sử dụng hồ bơi; dạy bơi cho học sinh; quản lý, đảm bảo an toàn cho học sinh, thuê xe đưa rước,… và các dịch vụ liên quan*). |
| *4.5* | *Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (tiếng Anh).* | 260,000 | 220,000  (2 tiết),  110,000  (1 tiết) | **220,000**  (2 tiết),  **110,000**  (1 tiết) | **● Lớp 1/1, 1/2, 2/1, 2/2, 3/1, 3/2, 4/1, 4/2, 5/1, 5/2, 5/3:** Học chương trình giao tiếp 2 tiết/tuần với GV nước ngoài.  **● Các lớp còn lại:** Học 1 tiết/tuần. |
| *4.6* | *Tiền tổ chức học ngoại sử dụng phần mềm bổ trợ (tiếng Anh).* | 250,000 | 100.000 | **100.000**  *(tháng)* | **● Khối 1, 2, 5:** Học 1 tiết/tuần. |
| *4.7* | *Tiền tổ chức học Chương trình ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (tiếng Anh).* | 550,000 | 0 | **250,000**  *(tháng)* | **●** **Lớp 1/1, 1/2 và 2/1, 2/2:** Học chương trình **Toán và Khoa học** vớiphần mềm 2 tiết/tuần. |
| **II** | **Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giao dục thực hiện theo các Đề án** | | | | |
| **8** | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” | 0 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **9** | Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kĩ năng ứng dụng Tin học cho học sing phổ thông TP.HCM thero định hướng chuẩn quốc tế giai đoạn 2021-2030” | 0 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **10** | Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện Chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập Quốc tế” | 0 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **III** | **Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú** | | | | |
| **12** | Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú. | 350,000 | 180.000 | **205,000**  *(tháng)* | **● HS bán trú** (khoản thu để chi trả tiền công cho CB-GV-NV tham gia công tác tổ chức ăn bán trú cho HS, mua sắm các đồ dùng, vật dụng phục vụ vệ sinh bán trú,… |
| **13** | Tiền phục vụ ăn sáng | 60.000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **14** | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú. | 220,000 | 170.000 | **195,000**  *(****năm****)* | **● HS bán trú** (khoản thu để mua sắm các thiết bị vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú trong 01 năm học đối với 01 học sinh). |
| **IV** | **Các khoản thu hỗ trợ khác** | | | | |
| **17** | Tiền mua sắm đồng phục học sinh | 300.000 | 0 | **Từ**  **220.000**  **đến**  **290,000**  *(bộ)* | **●** Giá tiền đồng phục bao gồm cả thuế GTGT, tùy theo kích cỡ và sẽ áp dụng thực hiện cho năm học 2024-2025. PHHS sẽ đăng ký vào cuối năm học này và vào thời gian tuyển sinh chuẩn bị cho năm học tới đối với lớp 1. |
| **18** | Tiền học phẩm - học cụ - học liệu. | | | | |
| *18.1* | *Học phẩm* | 50,000 | **● *Giấy KT:***  Khối 1,2,3:**10,000**  Khối 4,5:**13.000**  **● *Học bạ*** K1: **15.000**  *(****năm****)* | **● *Giấy KT:***  Khối 1,2,3:**12,000**  Khối 4,5:**15.000**  **● *Học bạ*** K1: **15.000**  *(****năm****)* | **● Toàn trường** (Ấn chỉ ấn phẩm liên quan đến học sinh: giấy in đề các lần kiểm tra định kì, hồ sơ học sinh,… cho 01 năm). |
| *18.2* | *Học cụ - Học liệu* | 250.000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **19** | Tiền suất ăn trưa bán trú. | 35,000 | 30.000 | **34,000**  *(1 ngày ăn)* | **● HS bán trú:** Bữa ăn chính 26.000đ và bữa ăn phụ 8.000đ. |
| **20** | Tiền suất ăn sáng | 20,000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **21** | Tiền nước uống. | 20,000 | 15.000 | **15,000**  *(tháng)* | **● Toàn trường** |
| **22** | Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu *(bao gồm khám nha học đường).* | 60,000 | 0 | **●** Khối 1: **35,000**  **●** Khối 2,3,4,5: **25.000**  *(****năm****)* | **● Toàn trường** (tổ chức khám SK, nhập dữ liệu KQ khám SK của từng HS; tiền công khám SK,…). Khối 2,3,4,5 thu 25.000đ vì đã có sổ khám sức khỏe. |
| **23** | Tiền sử dụng máy lạnh. | 45,000 | 40.000 | **●** Bán trú: **30,000**  **●** Không bán trú: **20.000**  *(tháng)* | **● Lớp có trang bị máy lạnh** (trả tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh,…). |
| **24** | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. | 110,000 | 0 | **20,000**  *(tháng)* | **● Toàn trường** (tổ chức thực hiện thông tin, liên lạc, tin nhắn,… với CMHS qua phần mềm điện tử eNetViet). |
| **25** | Tiền trông giữ xe học sinh | 2,000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |
| **26** | Tiền tổ chức xe đưa rước học sinh | 10.000 | 0 | **0** | **Trường không tổ chức thực hiện.** |

**II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN THU, TRÍCH LẬP NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG:**

- Khi xây dựng dự toán cần căn cứ nội dung theo các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện các chương trình dạy học 2 buổi/ngày, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo quy định *(theo phụ lục đính kèm chi tiết hướng dẫn theo từng bậc học của Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn về thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)*, trong đó cần lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (không bao gồm học phí): phải xây dựng trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

+ Phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và thực hiện giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Thực hiện **trích lập tối thiểu 40%** số chênh lệch thu lớn hơn chi của số thu dịch vụ (nếu có), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

**III. VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN:**

Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và hướng dẫn tại Công văn 7973/BTC-QLKT ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về hạch toán thu học phí tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập, cụ thể như sau:

+ Học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục I, mục II, mục III Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 – Tiền mặt/ tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 531 – Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ (chi tiết từng nội dung)

+ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục IV Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 – Tiền mặt/ Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 3381 – Phải trả khác (chi tiết từng nội dung)

**IV. VỀ CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM:**

*Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non ban hành cụ thể như sau:*

- Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

- Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 25942/HD-SLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố. Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 4 phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội Quận 4 tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn Quận 4 để hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

- Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023: Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Cụ thể:

*\*Các đối tượng được miễm, giảm tiền tổ chức 2 buổi/ngày* ***(Khối 5):***

+ Miễn 100%: Học sinh là con thứ nhất, thứ hai của hộ nghèo theo quy định của Thành phố.

+ Giảm 50%: Học sinh là con thứ ba của hộ nghèo. Học sinh là con thứ nhất và thứ hai của hộ cận nghèo theo quy định của Thành phố.

*\*Các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:*

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ;

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật theo quy định của Thành phố.

+ Học sinh là thành viên hộ nghèo theo quy định của Thành phố.

- Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 và chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Quận 4, theo đó, nhà trường **không thu “Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa”** theo quy định tại **điểm a khoản 1 Điều 2.**

+ Hộ nghèo;

+ Hộ cận nghèo;

+ HS mồ côi; dân tộc thiểu số.

+ HS khuyết tật.

*Do vậy, GVCN thông báo cho PHHS nộp Giấy xác nhận có chứng nhận của Phường (riêng diện mồ côi kèm sổ nhận tiền trợ cấp photo công chứng).*

**IV. VỀ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT:**

- Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4124/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thực hiện Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 và Công văn số 1402/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tổ chức triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

- Tạo điều kiện để cha mẹ học sinh không cần phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, triển khai việc thu học phí và các khoản thu khác bằng phương thức không dùng tiền mặt với nhiều hình thức, bảo đảm việc tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu phải đa dạng hóa các kênh thanh toán để cha mẹ học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn, thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu khác; tạo mọi điều kiện để cha mẹ, học sinh, sinh viên thuận lợi trong việc thanh toán; không tạo lợi thế cho bất kỳ một ngân hàng hay đơn vị trung gian thanh toán để gây khó khăn cho cha mẹ học sinh, người học trong thanh toán học phí, các khoản thu khác.

- Hệ thống thanh toán của nhà trường thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc kết nối giữa hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động/máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử…). Tăng cường quản lý dữ liệu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó lưu ý đến việc làm chủ dữ liệu và bảo mật thông tin riêng tư.

- Thỏa thuận thống nhất với các của ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán trước khi tổ chức thực hiện, đồng thời thông báo công khai về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thao tác thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng, trên trang thông tin điện tử… để tất cả cha mẹ học sinh, người học được lựa chọn theo nhu cầu

- Thông tin đầy đủ thông tin các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang tham gia triển khai tốt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để cha mẹ học sinh an tâm khi sử dụng.

**V. VỀ CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU:**

- Nhà trường thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số [61/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-61-2017-tt-btc-cong-khai-ngan-sach-don-vi-du-toan-to-chuc-ngan-sach-nha-nuoc-ho-tro-334648.aspx) ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [61/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-61-2017-tt-btc-cong-khai-ngan-sach-don-vi-du-toan-to-chuc-ngan-sach-nha-nuoc-ho-tro-334648.aspx) ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Tất cả các khoản thu được nhà trường lấy ý kiến với CMHS, thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh học sinh; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

Trên đây là nội dung công khai thực hiện thu và sử dụng các khoản thu của Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh năm học 2023 - 2024./.

**TRƯỞNG BAN HIỆU TRƯỞNG**

**ĐD.CMHS TRƯỜNG**

**Ngôc Trần Quốc Cường Lê Ngọc Phong**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

**Lê Thụy Minh Trang Phan Thị Thanh Huyền**

**KẾ TOÁN THỦ QUỸ**

**Lê Quang Cường Nguyễn Thị Thu Thủy**